

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Chiến	Thành viên
Ông Lê Văn Thu	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012



Số: 906/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Lê Chí Nguyện
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1808/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.867.008.686	147.847.287.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.946.433.456	15.997.069.972
1. Tiền	111		4.001.225.856	4.465.756.372
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.945.207.600	11.531.313.600
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.932.580.989	86.810.971.442
1. Phải thu khách hàng	131		77.949.000.621	80.957.676.502
2. Trả trước cho người bán	132		7.164.127.500	9.513.983.820
3. Các khoản phải thu khác	135		1.465.802.681	1.016.279.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.646.349.813)	(4.676.967.880)
III. Hàng tồn kho	140	6	29.975.158.435	34.894.875.782
1. Hàng tồn kho	141		29.975.158.435	34.894.875.782
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.012.835.806	10.144.370.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	38.519.629
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	6.012.835.806	10.105.850.384
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.136.225.021	27.316.009.975
I. Tài sản cố định	220		23.469.817.737	21.590.015.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.832.832.067	9.526.419.798
- Nguyên giá	222		35.230.711.729	34.373.500.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.397.879.662)	(24.847.080.989)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.325.795.390	11.752.405.150
- Nguyên giá	228		15.588.308.411	14.694.493.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.262.513.021)	(2.942.088.361)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		311.190.280	311.190.280
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.570.790.000	3.900.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	4.570.790.000	3.900.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.095.617.284	1.825.994.747
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.085.617.284	1.825.994.747
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.003.233.707	175.163.297.184

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		112.584.618.733	119.257.761.490
I. Nợ ngắn hạn	310		111.621.573.453	118.549.412.326
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	2.975.785.094	6.095.086.216
2. Phải trả người bán	312		3.508.412.325	5.497.146.208
3. Người mua trả tiền trước	313		47.689.489.527	51.529.524.172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	10.251.444.813	12.083.708.218
5. Phải trả người lao động	315		22.894.971.258	27.487.602.199
6. Chi phí phải trả	316		6.243.075.903	2.840.959.550
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	14.549.851.966	10.539.035.736
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.508.542.567	2.476.350.027
II. Nợ dài hạn	330		963.045.280	708.349.164
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		963.045.280	708.349.164
B. NGUỒN VỐN	400		60.418.614.974	55.905.535.694
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	60.418.614.974	55.905.535.694
1. Vốn điều lệ	411		33.810.000.000	33.810.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140.000)	(140.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		654.377.899	440.588.522
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.979.250.722	3.379.250.722
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.519.059.240	1.349.059.240
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.411.067.113	16.881.777.210
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.003.233.707	175.163.297.184

202737
HÀNH
CÔNG T
NHIỆM H
LỐI T
T N
P. HÀ N
TP. HỒ C



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		212.096.226.163	179.735.457.176
2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(164.699.741.781)	(131.941.678.930)
3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		47.396.484.382	47.793.778.246
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.248.900.767	743.417.804
5. Chi phí tài chính	22	17	(503.049.488)	(277.417.135)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(502.607.908)	(216.913.851)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(25.239.820.976)	(24.189.499.573)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.902.514.685	24.070.279.342
8. Thu nhập khác	31		1.574.004.172	44.009.254
9. Chi phí khác	32		(4.676.502.985)	(1.594.592.352)
10. Lỗ từ hoạt động khác	40	18	(3.102.498.813)	(1.550.583.098)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.800.015.872	22.519.696.244
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	(4.980.753.969)	(5.637.919.034)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.819.261.903	16.881.777.210
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	4.383	4.993



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.800.015.872	22.519.696.244
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.680.742.720	2.732.776.526
Các khoản dự phòng	03	11.576.449	972.529.589
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.092.590.964)	(571.851.828)
Chi phí lãi vay	06	502.607.908	216.913.851
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.902.351.985	25.870.064.382
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	8.635.215.004	(45.542.070.574)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	4.943.717.347	(2.852.565.096)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(7.732.129.524)	16.937.950.807
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(221.102.908)	246.799.935
Tiền lãi vay đã trả	13	(502.607.908)	(216.913.851)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.075.817.933)	(3.482.180.667)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	303.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.038.807.460)	(3.058.813.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.213.818.603	(12.097.728.177)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.938.912.428)	(1.069.009.747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	173.399.957	28.180.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(220.790.000)	(1.400.000.000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	897.776.519	543.671.828
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.088.525.952)	(1.897.157.919)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(140.000)
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	4.694.499.174	8.095.086.216
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.813.800.296)	(2.000.000.000)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(3.150.964.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.270.265.122)	6.094.946.216
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.855.027.529	(7.899.939.880)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.997.069.972	23.791.566.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	94.335.955	105.443.060
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	24.946.433.456	15.997.069.972

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 741.519.500 đồng (năm 2010: 116.800.687 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm không bao gồm 3.611.008.000 đồng là số tiền cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh

Trưởng phòng Tài chính Kế toán



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 1 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 620 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 639 người).

Công ty có hai đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung. Ngoài ra, Công ty có một Văn phòng đại diện tại Hà Nội hạch toán phụ thuộc Công ty.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng ;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, khoản ký quỹ ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác và khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty cho mục đích cổ phần hóa tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 và được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phân ảnh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Ghi nhận doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì Công ty có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá trong 5 năm tiếp theo sau khi đã hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm đó.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 213.789.377 đồng (năm 2010: 215.438.381 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS 10.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

372
HÀNH
CÔNG TY
MƯỜI
TỔNG
NỘI
CƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	255.604.452	1.462.152.877
Tiền gửi ngân hàng	3.745.621.404	3.003.603.495
Các khoản tương đương tiền	20.945.207.600	11.531.313.600
	<u>24.946.433.456</u>	<u>15.997.069.972</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền với lãi suất 6%/năm và 14%/năm (2010: 10,49% và 14%) tùy thuộc vào kỳ hạn gửi cho khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, lãi suất 0,5%/năm (2010: 1%) cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ, và lãi suất 0,6%/năm (2010: 0,6%) cho khoản tiền gửi bằng đồng Euro.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	151.261.449	172.386.795
Công cụ, dụng cụ	2.603.197	14.973.230
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.821.293.789	34.707.515.757
	<u>29.975.158.435</u>	<u>34.894.875.782</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện dự án.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	7.233.742.038	10.577.285.433	13.393.244.573	3.169.228.743	34.373.500.787
Tăng trong năm	504.151.884	1.604.714.955	1.363.339.502	197.610.000	3.669.816.341
Thanh lý	-	(1.530.766.647)	(1.058.130.743)	(223.708.009)	(2.812.605.399)
Tại ngày 31/12/2011	<u>7.737.893.922</u>	<u>10.651.233.741</u>	<u>13.698.453.332</u>	<u>3.143.130.734</u>	<u>35.230.711.729</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	1.795.270.614	9.459.559.549	11.053.111.044	2.539.139.782	24.847.080.989
Khấu hao trong năm	299.722.356	803.630.678	853.771.048	403.193.978	2.360.318.060
Thanh lý	-	(1.527.680.635)	(1.058.130.743)	(223.708.009)	(2.809.519.387)
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.094.992.970</u>	<u>8.735.509.592</u>	<u>10.848.751.349</u>	<u>2.718.625.751</u>	<u>24.397.879.662</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.642.900.952</u>	<u>1.915.724.149</u>	<u>2.849.701.983</u>	<u>424.504.983</u>	<u>10.832.832.067</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>5.438.471.424</u>	<u>1.117.725.884</u>	<u>2.340.133.529</u>	<u>630.088.961</u>	<u>9.526.419.798</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 13.312.581.864 đồng (năm 2010: 14.440.410.502 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	10.704.411.092	1.628.517.698	2.361.564.721	14.694.493.511
Tăng trong năm	827.214.900	66.600.000	-	893.814.900
Tại ngày 31/12/2011	<u>11.531.625.992</u>	<u>1.695.117.698</u>	<u>2.361.564.721</u>	<u>15.588.308.411</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	368.944.775	1.628.517.698	944.625.888	2.942.088.361
Khấu hao trong năm	72.579.300	11.688.888	236.156.472	320.424.660
Tại ngày 31/12/2011	<u>441.524.075</u>	<u>1.640.206.586</u>	<u>1.180.782.360</u>	<u>3.262.513.021</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>11.090.101.917</u>	<u>54.911.112</u>	<u>1.180.782.361</u>	<u>12.325.795.390</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.335.466.317</u>	<u>-</u>	<u>1.416.938.833</u>	<u>11.752.405.150</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.628.517.698 đồng (năm 2010: 1.628.517.698 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ngân hàng định giá là 28.584.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	3.150.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung	220.790.000	-
	<u>4.570.790.000</u>	<u>3.900.000.000</u>

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn vào các Công ty được trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư. Hiện tại, các công ty này đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16/2011/95234 ngày 19 tháng 4 năm 2011. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 9), toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ của Công ty tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số 5) và các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để thế chấp cho khoản vay này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	6.875.397.962	7.654.970.006
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.170.292.709	4.265.356.673
Thuế thu nhập cá nhân	205.754.142	163.381.539
	<u>10.251.444.813</u>	<u>12.083.708.218</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khoản phải trả tập đoàn điện lực Việt Nam - EVN	2.142.405.593	2.142.405.593
Cổ tức phải trả	3.700.181.000	59.696.397
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	1.621.406.838	2.977.775.955
Kinh phí công đoàn phải trả	2.750.545.760	2.318.106.922
Phải trả khác	4.335.312.775	3.041.050.869
	<u>14.549.851.966</u>	<u>10.539.035.736</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>3.380.986</u>	<u>3.380.996</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng (năm 2010: 33.810.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Số vốn đã góp	Tỷ lệ
	<u>VND</u>	(%)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	<u>460.000.000</u>	<u>1,36</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2010	29.400.000.000	45.000.000	-	225.150.141	888.700.247	486.059.240	11.567.550.475	42.612.460.103
Tăng vốn trong năm	4.410.000.000	-	-	-	-	-	(4.410.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	16.881.777.210	16.881.777.210
Trích lập quỹ	-	-	-	-	2.490.550.475	863.000.000	(7.157.550.475)	(3.804.000.000)
Giảm khác	-	-	(140.000)	215.438.381	-	-	-	215.298.381
Tại ngày 31/12/2010	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	440.588.522	3.379.250.722	1.349.059.240	16.881.777.210	55.905.535.694
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	213.789.377	-	-	-	213.789.377
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.819.261.903	14.819.261.903
Trích lập quỹ	-	-	-	-	2.600.000.000	1.170.000.000	(7.528.000.000)	(3.758.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.761.972.000)	(6.761.972.000)
Tại ngày 31/12/2011	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	654.377.899	5.979.250.722	2.519.059.240	17.411.067.113	60.418.614.974

Theo Nghị quyết số 52/NQ-TVĐ3-DHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2010 với số tiền là 6,761 tỷ đồng (2009: 7,35 tỷ đồng), trong đó 3,151 tỷ đồng đã được thanh toán bằng tiền mặt trong năm 2011. Cùng theo Nghị quyết số 52 này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã phê chuẩn phương án phân chia lợi nhuận năm 2010 để trích lập các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính, Khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành với số tiền lần lượt là 2,6 tỷ đồng, 1,17 tỷ đồng, 3,24 tỷ đồng và 0,518 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.857.315.156	4.864.772.537
Chi phí nhân công	96.895.261.590	82.922.690.256
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.354.624.753	3.106.161.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.225.887.316	41.284.850.198
Chi phí khác	21.606.473.942	23.952.704.238
	<u>189.939.562.757</u>	<u>156.131.178.503</u>

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	897.776.519	543.671.828
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	351.124.248	199.745.976
	<u>1.248.900.767</u>	<u>743.417.804</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	502.607.908	216.913.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	60.503.284
Chi phí khác	441.580	-
	<u>503.049.488</u>	<u>277.417.135</u>

18. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2011	2010
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	197.900.457	28.180.000
Chi phí trả thừa của những năm trước	1.142.823.690	-
Thu khác	233.280.025	15.829.254
	<u>1.574.004.172</u>	<u>44.009.254</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	3.086.012	-
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và chi phí sau nghiệm thu	4.665.392.342	1.492.027.690
Chi phí khác	8.024.631	102.564.662
	<u>4.676.502.985</u>	<u>1.594.592.352</u>
Lỗ từ hoạt động khác	<u>(3.102.498.813)</u>	<u>(1.550.583.098)</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	19.800.015.872	22.519.696.244
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	123.000.002	31.979.890
Thu nhập chịu thuế	19.923.015.874	22.551.676.134
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.980.753.969	5.637.919.034

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm tài chính trên cơ sở các số liệu sau:

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận sau thuế	14.819.261.903	16.881.777.210
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.819.261.903	16.881.777.210
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	3.380.986	3.380.996
Lãi trên cổ phiếu	4.383	4.993

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế điện và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.566.690.908	1.366.690.908

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	1.543.612.121	1.366.690.909
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.374.545.455	-
	2.918.157.576	1.366.690.909

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện khoản cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3 với Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Hồ Chí Minh và một số khoản cam kết phải trả cho việc thuê phương tiện vận chuyển với Hợp Tác Xã Du Lịch Vận Tải Song Long.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.946.433.456	15.997.069.972
Phải thu khách hàng	73.302.650.808	76.280.708.622
Khoản ký quỹ ngắn hạn	96.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	4.570.790.000	3.900.000.000
Khoản ký quỹ dài hạn	10.000.000	-
Tổng	102.925.874.264	96.177.778.594
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	2.975.785.094	6.095.086.216
Phải trả người bán	3.508.412.325	5.497.146.208
Chi phí phải trả	6.243.075.903	2.840.959.550
Phải trả khác	6.056.770.995	2.585.848.267
Tổng	18.784.044.317	17.019.040.241

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	3.682.988.090	2.295.243.183	-	-
<i>Euro (EUR)</i>	345.579.184	344.036.963	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng được thể hiện ở số dư tài khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

1372-
HÀNH
C TY
NHỮU
ITT
NAI
NỘI
CƠ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu		
Ban QLDA các CTĐ Miền Nam	45.125.275.696	30.883.786.673
Ban QLDA các CTĐ Miền Bắc	2.668.897.726	1.364.453.986
Ban QLDA các CTĐ Miền Trung	23.010.068.942	16.317.230.106
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - SPC	1.621.042.606	3.488.114.283
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lưới Miền Trung	-	557.910.514
Ban QLDA lưới điện Công Ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai- ĐNPC	-	914.636.838
Ban QLDA Nhiệt điện 2	2.622.838.182	110.975.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	6.991.568.982	26.758.988.204
Ban QLDA Thủy điện 1	16.846.113.500	5.174.664.262
Ban QLDA Thủy điện 5	-	417.475.820
Ban QLDA Thủy điện 6	28.131.682.995	12.856.095.097
Ban QLDA thủy điện sông Bung 2	10.938.145.094	4.217.940.816
Ban QLDA thủy điện Srêpok 4	-	475.294.896
Công ty truyền tải điện 1	152.242.727	-
Công ty truyền tải điện 2	607.962.035	762.168.370
Công ty truyền tải điện 3	1.367.757.567	144.037.012
Công ty truyền tải điện 4	1.308.764.615	816.183.725
Công ty CP EVN Quốc Tế	3.628.561.092	768.902.727
Công ty CP thủy điện A Vương	-	383.670.000
Công ty CP phong điện Thuận Bình	995.635.050	1.618.181.819
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	154.545.455	2.243.017.318
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	-	603.583.900
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 2	4.049.897.879	
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	362.780.909	4.690.328.455
Cty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	4.023.234.196	899.026.000
Cty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	-	829.242.669
Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam	-	88.973.636
Tổng Công ty Điện lực TPHCM	5.466.850	41.552.878
Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	372.952.750	363.072.727
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	(142.592.217)	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	334.543.696	-
Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	127.272.727	-
Công ty Thủy điện Trị An	1.593.926.101	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	2.703.777.986	2.184.886.129
	2.703.777.986	2.184.886.129

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu		
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.581.355.023	1.645.567.524
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	26.196.976.996	26.917.535.586
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	9.971.169.254	2.022.325.965

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - SPC	740.777.327	1.164.688.213
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	657.886.455	654.674.120
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	268.794.939	268.794.939
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	554.291.975	554.291.975
Ban QLDA nhiệt điện 2	1.467.425.981	1.079.292.981
Ban QLDA nhiệt điện 3	309.350.000	1.629.933.531
Ban QLDA thủy điện 3	1.570.391.490	1.570.391.490
Ban QLDA thủy điện 5	51.628.600	51.628.600
Ban QLDA thủy điện 6	3.923.718.736	1.453.127.828
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	3.681.749.424	2.525.554.516
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	1.396.394.956	1.393.655.957
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	152.406.522	437.406.522
Công ty truyền tải điện 2	1.168.655.555	1.345.824.886
Các đơn vị khác trong EVN	4.789.192.666	3.464.360.699
Người mua ứng tiền trước		
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	5.556.282.214	6.007.517.400
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.385.083.669	2.719.408.919
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - SPC	2.636.847.767	1.577.829.467
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	-	215.645.139
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	2.305.102.339	1.889.969.738
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	200.061.000	424.447.000
Ban QLDA nhiệt điện 2	-	149.810.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	798.592.097	1.926.942.932
Ban QLDA thủy điện 1	602.884.808	4.098.006.938
Ban QLDA thủy điện 5	248.000.000	248.000.000
Ban QLDA thủy điện 6	-	1.051.643.058
Công ty CP EVN Quốc Tế	1.467.028.810	1.548.553.544
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	415.000.000	-
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	4.466.928.000	3.000.000.000
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	731.500.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	551.500.000	1.042.800.000
Các đơn vị khác trong EVN	10.169.639.934	885.385.955
Phải trả khác		
Phải trả tập đoàn điện lực Việt Nam - EVN	2.142.405.593	2.142.405.593
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	-	60.824.300
Phải trả cổ tức		
Tập đoàn điện lực Việt Nam	3.298.314.000	-



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
 Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán